

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/02/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+RC4	7:25	22+0	0+0		13+9	0+0	
2		RP3+RP2	7:25	21+0	0+0		17+5	0+0	
3		PVD8+PPD	9:25	7+12	0+0		5+17	0+0	
4		BK8+PPD+P4	9:25	8+4+9	0+0+0		0+13+9	0+0+0	
5		BK14+RP3	12:00	2+11	0+0		6+16	0+0	
6		PPD+BK8	13:45	11+0	0+0		14+8	0+0	

TTBBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
I/ Đi về trong ngày P4-8ng, RP3-4ng, BK8-8g



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: P4 - RC4	CREW: LINH - NPHÚ - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 1		VNHS FLIGHT: TM26/0517	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN HỮU THÊ	P4				2	30	64	XNKT	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P4						75	D-HANH	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC THUẬN	P4	04	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN LÊ HUY	P4	06	1	7	4	17	72	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	05	1	6			72	KHI	Vietnamese
6	NGÔ THANH LAM	P4	41	1	3			65	KHI	Vietnamese
7	LÊ VĂN MẠNH	P4						57	KHI	Vietnamese
8	TRẦN VĂN NĂM	P4	09	1	4			72	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN MINH CANG	P4	08	1	6			78	KHI	Vietnamese
10	OVCHARENKO A. N	P4	37	1	6			83	KHI	Russian
11	ZAGUDAEV V	P4	38	1	3			83	KHI	Russian
12	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P4	13	1	5			78	KHI	Vietnamese
13	TRẦN XUÂN TRUNG	P4	07	1	5			77	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH PHONG	P4						100	KHI	Vietnamese
15	ĐẶNG T KIM TUYEN	P4						65	KHI	Vietnamese
16	VŨ THỊ LÝ	P4						49	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN MINH	P4	12	1	3			79	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN THỊ HẰNG	P4	40	1	3			59	NIPI	Vietnamese
19	PHAN NGỌC QUYẾT	P4	39	1	2			70	NIPI	Vietnamese
20	LƯU QUANG ĐẠT	P4	42	1	12			73	CODIEN	Vietnamese
21	ĐẶNG QUANG LỘC	P4	10	1	11			62	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG SƠN	P4	11	1	13			73	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	22	1.587	16	96	6	47	12		
2	RC4	0	0	0	0	1	20	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.587</b>	<b>16</b>	<b>96</b>	<b>7</b>	<b>67</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.587</b>		<b>96</b>		<b>67</b>			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH  
ĐÀO NGỌC PHÚ



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: RP3 - RP2	CREW: ĐỨC - HỒỨC - ĐANG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM26/0522		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KHARITONOV YURY	RP3	90-91	2	13			78	KHI	Russian
2	PHAM NGOC HUNG	RP3	83	1	10			84	KHI	Vietnamese
3	TRAN THANH ĐỨC	RP3	700	1	8			98	KHI	Vietnamese
4	VU MẠNH CUONG	RP3	05-06	2	19			72	KHI	Vietnamese
5	PHAM HOANG NGUYEN	RP3	298	1	7			68	KHI	Vietnamese
6	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	96-97	2	11			83	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN HAI	RP3	300	1	8			67	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG NAM	RP3	88	1	4			66	KHI	Vietnamese
9	VÔ ĐƠN LONG	RP3	299	1	7			74	KHI	Vietnamese
10	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	99	1	4			75	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT DUNG	RP3						64	KHI	Vietnamese
12	NGUYEN HAI YEN	RP3						59	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN KIM NGOC	RP3						66	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUY	RP3						67	KHI	Vietnamese
15	KHÔNG TIEN DUNG	RP3	15-16	2	12	4	27	77	KHI	Vietnamese
16	ĐO TIEN THANH	RP3	97-98	2	11			66	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN ANH B	RP3	86-87	2	12			83	KHI	Vietnamese
18	NGO MINH PHUONG	RP3	94	1	16			88	ANTOAN	Vietnamese
19	PHAN VAN CHUNG	RP3	92-93	2	19			82	ANTOAN	Vietnamese
20	HA QUANG HUY	RP3	89	1	7			66	CODIEN	Vietnamese
21	NONG MINH HAI	RP3	95	1	12			74	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.557	24	180	4	27	17		
2	RP2	0	0	0	0	1	8	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.557</b>	<b>24</b>	<b>180</b>	<b>5</b>	<b>35</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.557</b>		<b>180</b>		<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

TRƯƠNG CÔNG ĐỨC  
HOÀNG ANH ĐỨC



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: PVD8 - PPD	CREW: LINH - NPHÚ - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/0518	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TIÊN DUẬN	PVD8	77-78	2	11			63	CODIEN	Vietnamese
2	LẠI VĂN CUÔNG	PVD8	82	1	10			64	PVD OFFSH	Vietnamese
3	TRƯỜNG DUY KHANH	PVD8	81	1	9			66	PVD OFFSH	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THÔNG	PVD8	72-73	2	14			63	PVD OFFSH	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	PVD8	79-80	2	12			73	PVD OFFSH	Vietnamese
6	PHẠM VĂN CHÍNH	PVD8				3	32	74	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH NGÂN	PVD8	74	1	10	2	14	68	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN HUNG	PPD				1	3	72	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ CHUNG KIẾN	PPD	84	1	4	2	37	63	KHI	Vietnamese
10	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	79	1	4			73	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	76-77	2	14			67	KHI	Vietnamese
12	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	83	1	3			70	KHI	Vietnamese
13	VŨ VĂN TRIỆU	PPD	80-81	2	9	3	21	79	KHI	Vietnamese
14	NGÔ SỸ THANH	PPD	75	1	6			87	KHI	Vietnamese
15	TRỊNH VĂN CUÔNG	PPD	85	1	7			69	KHI	Vietnamese
16	OKOVANTSEV	PPD	87	1	15			118	KHI	Russian
17	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	82	1	6			76	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	78	1	2			71	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN LƯU VŨ	PPD	86	1	3			70	ANTOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	7	471	9	66	5	46	5		
2	PPD	12	915	13	73	6	61	17		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.386</b>	<b>22</b>	<b>139</b>	<b>11</b>	<b>107</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.386</b>		<b>139</b>		<b>107</b>			

GRAND TOAL: 1.632 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: BK8 - PPD - P4	CREW: ĐỨC - HỨC - ĐANG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/0523	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐÓ QUỐC HUY	BK8	22	1	4			84	NIPI	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HA	BK8						71	NIPI	Vietnamese
3	ĐÓ XUÂN LONG	BK8	25	1	4			69	NIPI	Vietnamese
4	TRINH QUANG HUY	BK8						71	NIPI	Vietnamese
5	TRẦN KIM THÀNH	BK8						73	NIPI	Vietnamese
6	LE QUOC CUONG	BK8	23	1	3			73	NIPI	Vietnamese
7	TRẦN DUY TÀI	BK8	21	1	3			77	NIPI	Vietnamese
8	PHAN VĂN THỊNH	BK8	24	1	6			71	NIPI	Vietnamese
9	VŨ ĐÌNH VIỆT	PPD	03	1	8	5	83	65	ANTOAN	Vietnamese
10	ZADERNIUK MIKHAIL	PPD	04-05	2	9			67	NIPI	Russian
11	NGUYỄN TẤT KHANH	PPD	07	1	5			73	KHI	Vietnamese
12	LE TRUNG LÂN	PPD	06	1	4			76	KHI	Vietnamese
13	HOANG HUU TRONG	P4	28	1	12			69	CODIEN	Vietnamese
14	TRINH CONG SON	P4	30	1	9			51	CODIEN	Vietnamese
15	DUONG DINH HIEN	P4	29	1	5	2	36	65	KHI	Vietnamese
16	LE QUANG VINH	P4	34	1	7	1	20	68	KHI	Vietnamese
17	BUI ĐĂNG TIẾN	P4	33	1	9			69	KHI	Vietnamese
18	LE HONG PHONG	P4						83	KHI	Vietnamese
19	ĐÌNH NGỌC QUÝ	P4	31	1	8			79	KHI	Vietnamese
20	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4						77	PSV	Vietnamese
21	PHẠM QUỐC DUY	P4	32	1	4			61	KHI	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK8	8	589	5	20	0	0	0		
2	PPD	4	281	5	26	5	83	13		
3	P4	9	622	7	54	3	56	9		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1,492</b>	<b>17</b>	<b>100</b>	<b>8</b>	<b>139</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1,492</b>		<b>100</b>		<b>139</b>			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

*Ngô Thị Hằng*

CREW

*H. Anh Đức*



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: BK14 - RP3	CREW: VIỆT - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/0519	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	VŨ QUỐC KHAI	BK14	26	1	9	3	45	68	XAYLAP	Vietnamese
2	PHÙNG VĂN THẠCH	BK14	25	1	10			63	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN THIỀU	RP3	10	1	8	3	41	70	CODIEN	Vietnamese
4	HA MẠNH NAM	RP3	11	1	11	8	152	75	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC HÙNG	RP3	07	1	6			65	CODIEN	Vietnamese
6	HOANG ĐÌNH HIỀN	RP3	20-21	2	9			68	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	RP3	17-19	3	16			79	KHI	Vietnamese
8	CAO VĂN HIỀN	RP3	15-16	2	13			58	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN BÌNH	RP3	22-23	2	12			65	KHI	Vietnamese
10	LƯƠNG NGỌC TÂN	RP3	14	1	8			66	KHI	Vietnamese
11	HOANG ĐÌNH CHIẾN	RP3	12-13	2	12			65	PSV	Vietnamese
12	HOANG VĂN TRỌNG	RP3	08	1	11			99	PSV	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC THUẬN	RP3	09	1	6			52	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	2	131	2	19	3	45	6		
2	RP3	11	762	17	112	11	193	16		
<b>TOTAL</b>		<b>13</b>	<b>893</b>	<b>19</b>	<b>131</b>	<b>14</b>	<b>238</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>893</b>		<b>131</b>		<b>238</b>			

GRAND TOAL: 1.262 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
B.CARD: XANH-4	TO: PPD - BK8	CREW: QVIỆT - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/0520	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN THỂ HÙNG	PPD	15	1	5	3	60	71	KHI	Vietnamese
2	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	17	1	7			61	KHI	Vietnamese
3	ĐOAN MẠNH TOÀN	PPD						87	KHI	Vietnamese
4	TRƯƠNG HAI HÀ	PPD	20	1	6			71	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	24	1	4			75	KHI	Vietnamese
6	LÊ THANH TRUNG	PPD	18	1	7			65	KHI	Vietnamese
7	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	19	1	8			60	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TỬ	PPD	16	1	8			78	KHI	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN ĐIỆP	PPD	25	1	8			68	KHI	Vietnamese
10	LÊ NHỎ CANG	PPD	14	1	7			69	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	10	705	9	60	3	60	14		
2	BK8	0	0	0	0	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>10</b>	<b>705</b>	<b>9</b>	<b>60</b>	<b>3</b>	<b>60</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>705</b>		<b>60</b>		<b>60</b>			

GRAND TOAL: 825 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CREW

NGUYỄN THỨC HÀ

NGUYỄN MAI PHI

NGUYỄN QUANG VIỆT   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG

LĐ VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/02/2026**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC4+RC3+RP2	7:25	2+13+0	0+0+0		0+5+16	0+0+0	
2		PVD8	8:00	9	0		14	0	dừng tại PVD8-2h

TTĐBSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 08:00
B.CARD:	TO: PVD8(+2.5H)	CREW: MTIEN - TTRUNG - QUA	ETA: 12:30
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/0530	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KOSTIN SERGEY	PVD8						104	ЗАРУБЕЖН	Russian
2	ALEKSEEV DENIS	PVD8						84	ПАО БТБ	Russian
3	BAVYKINA OLGA	PVD8						79	ПАО БТБ	Russian
4	MAXIMOV DENIS	PVD8						78	ЗАРУБЕЖН	Russian
5	FOKINA ANASTASIA	PVD8						71	VRB	Russian
6	PHAM THI NGOC LAN	PVD8						60	VRB	Vietnamese
7	NGUYEN VIET HA	PVD8						69	VRB	Vietnamese
8	SIDOROV IGOR	PVD8						90	VSP	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	8	635	0	0	0	0	14		Dừng tại PVD8 2,5h
<b>TOTAL</b>		<b>8</b>	<b>635</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>14</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>635</b>		<b>0</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 635 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGUYỄN MINH TIEN   
NGUYỄN THÀNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/02/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: RC4 - RC3 - RP2	CREW: KHOÀN - SON - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/0538	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ TUẤN ANH	RC4	75-76,25	3	16			80	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN QUANG	RC4	76	1	8			71	CODIEN	Vietnamese
3	PHAN VĂN HỌC	RC3	90-91	2	20	1	13	61	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH THỌ	RC3	86	1	8			80	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG THOÀ	RC3	87	1	14			66	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG VĂN TÂM	RC3	82	1	12			68	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ NGUYỄN KHÔI NGUYỄN	RC3	83,45	2	11			60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TRI	RC3	46,50	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	RC3	47-48	2	18			59	XAYLAP	Vietnamese
10	HOÀ QUANG THẮNG	RC3	88-89	2	13			65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN DŨNG	RC3	84-85	2	17			75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN BA LŨU	RC3	52-53	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	RC3	92	1	12			83	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ HUY	RC3	93	1	11	1	13	66	XAYLAP	Vietnamese
15	TRƯƠNG THẾ NAM	RC3	81	1	5			60	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	2	151	4	24	0	0	0		
2	RC3	13	881	20	178	2	26	5		
3	RP2	0	0	0	0	3	50	16		
<b>TOTAL</b>		<b>15</b>	<b>1.032</b>	<b>24</b>	<b>202</b>	<b>5</b>	<b>76</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.032</b>		<b>202</b>		<b>76</b>			

GRAND TOAL: 1.310 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN

